

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2021/HS-PT

Ngày: 16-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Bà Huỳnh Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 11 và ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 153/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo La Thị Kim T và đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. La Thị Kim T (Tên gọi khác: B); Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1980; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Con ông: La Thanh H, sinh năm: 1955 (còn sống); Con bà: Thái Thị C, sinh năm: 1955 (còn sống); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng tên: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; Con: Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/01/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 02/2009/HSPT.

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Thị Mai Q; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1987; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Ngô Văn T2, sinh năm: 1965 (còn sống); Con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963 (đã chết); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chồng tên: Lê

Thành C1. Sinh năm 1986 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Về nhân thân: Ngày 16/3/2015, bị cáo bị Công an thị trấn M, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền. Bị cáo đã nộp phạt xong; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Mai Q theo yêu cầu: Luật sư Lê Văn Lợi - Trung tâm Tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia huyện T (Có mặt).

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo La Thị Kim T bị kết án về tội đánh bạc vào năm 2009 đã được xóa án tích. Vào khoảng giữa tháng 3/2020, Thoa rủ bị cáo Ngô Thị Mai Q bán số đề thì Q đồng ý. Hai bị cáo thỏa thuận, T làm chủ đề, tính kết quả thắng thua dựa trên kết quả xổ số kiến thiết, chuẩn bị tiền chi trả cho những người chơi số đề thắng. Q làm trung gian, được T trả tiền công dựa trên số tiền bán số đề. Q bán số đề cho những người chơi, sau đó tổng hợp lại gửi cho T. Tùy kết quả thắng thua, Q sẽ lấy tiền người chơi số đề thua đưa cho T hoặc Q sẽ lấy tiền từ T trả cho những người chơi số đề đã thắng.

Từ 15/3/2020 đến 29/3/2020, T và Q đã 21 lần bán số đề cho những người chơi số đề với số tiền từ 5 triệu đồng trở lên trong mỗi lô đề, cụ thể từng lần như sau:

- Lần thứ 1, ngày 17/3/2020, Q, T đánh số đề đài Vũng Tàu với tổng số tiền đánh bạc là 9.365.000 đồng.

- Lần thứ 2, ngày 18/3/2020, Q, T đánh số đề đài Cần Thơ với tổng số tiền đánh bạc là 10.293.500 đồng.

- Lần thứ 3, ngày 19/3/2020, Q, T đánh số đề đài Tây Ninh với tổng số tiền đánh bạc là 15.875.000 đồng

- Lần thứ 4, ngày 19/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc đài là 11.685.000 đồng.

- Lần thứ 5, ngày 20/3/2020, Q, T đánh số đề đài Vĩnh Long với tổng số tiền đánh bạc là 6.480.000 đồng

- Lần thứ 6, ngày 20/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc là 9.270.000 đồng.

- Lần thứ 7, ngày 21/3/2020, Q, T đánh số đề đài Long An với tổng số tiền đánh bạc là 5.507.500 đồng

- Lần thứ 8, ngày 21/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc là 8.900.000 đồng.

- Lần thứ 9, ngày 23/3/2020, Q, T đánh số đề đài Đồng Tháp với tổng số tiền đánh bạc là 9.540.500 đồng.

- Lần thứ 10, ngày 23/3/2020, Q, T đánh số đề đài TP Hồ Chí Minh với tổng số tiền đánh bạc đài là 5.710.500 đồng.

- Lần thứ 11, ngày 24/3/2020, Q, T đánh số đề đài Bến Tre với tổng số tiền đánh

bạc là 14.343.000 đồng.

- Lần thứ 12, ngày 25/3/2020, Q, T đánh số đề đài Sóc Trăng với tổng số tiền đánh bạc là 5.910.000 đồng.

- Lần 13, ngày 25/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc là 7.530.000 đồng.

- Lần thứ 14, ngày 26/3/2020, Q, T đánh số đề đài An Giang với tổng số tiền đánh bạc là 9.023.000 đồng.

- Lần thứ 15, ngày 26/3/2020, Q, T đánh số đề đài Tây Ninh với tổng số tiền đánh bạc là 6.890.000 đồng

- Lần thứ 16, ngày 26/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc đài Miền bắc 6.600.000 đồng.

- Lần thứ 17, ngày 27/3/2020, Q, T đánh số đề đài Vĩnh Long với tổng số tiền đánh bạc là 6.462.500 đồng

- Lần thứ 18, ngày 28/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc đài là 14.925.000 đồng.

- Lần thứ 19, ngày 29/3/2020, Q, T đánh số đề đài Tiền Giang với tổng số tiền đánh bạc là 6.825.500 đồng.

- Lần thứ 20, ngày 29/3/2020, Q, T đánh số đề đài Kiên Giang với tổng số tiền đánh bạc là 14.265.500 đồng.

- Lần thứ 21, ngày 29/3/2020, Q, T đánh số đề đài Miền Bắc với tổng số tiền đánh bạc là 9.745.000 đồng.

Ngoài ra, Q và T còn khai trong khoảng thời gian này còn bán số đề 32 lần khác nhưng giá trị từng lần đánh bạc dưới 5 triệu đồng, tổng số tiền đánh bạc của 32 lần này là 89.757.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 15/3/2020 đến ngày 29/3/2020 các bị cáo T, Q đã đánh bạc tổng cộng 53 lần, với tổng số tiền đánh bạc là 284.903.500 đồng, đã giao nhận tiền thắng thua với các con bạc xong. Trong đó có 21 lần đánh bạc với số tiền từ năm triệu đồng trở lên, với tổng số tiền là 195.146.500 đồng (lần đánh bạc thấp nhất là 5.507.500, cao nhất là 15.875.00 đồng). Số tiền T thu lợi từ việc đánh bạc là 3.303.500 đồng, số tiền bán số đề Q được Thoa trả công là 3.000.000 đồng.

Bị cáo Q khai bán số đề cho những người chơi cụ thể như sau:

- Q bán số đề cho Nguyễn Bá N, sinh năm 1984, ngụ khóm M, thị trấn M, huyện C các ngày 26/3/2020 với số tiền 1.905.000 đồng; Ngày 27/3/2020 số tiền là 825.000 đồng; Ngày 28/3/2020 số tiền là 2.805.000 đồng; Ngày 29/3/2020 số tiền là 3.682.000 đồng.

- Q khai bán số đề cho Nguyễn Lê Hoàng T3, sinh năm 2000 và Võ Thanh P, sinh năm 1987 cùng ngụ ấp M, xã M, huyện T nhưng không nhớ số tiền. Lời khai của Q phù hợp với lời khai của T3, P, ngoài ra không có chứng cứ gì khác để xác định số tiền Q đã bán số đề cho T3, P.

- Q khai bán số đề cho Ngô Văn Phước L, sinh năm 1991 cùng ngụ khóm M, thị trấn M, huyện C. Cơ quan điều tra xác minh L đã bỏ địa phương hiện không xác định được chỗ ở nên không làm việc được.

- Q khai bán số đề cho C2; một người phụ nữ không biết tên, bị cáo Q thường gọi là vợ D; N1; N2; Q1, H1 nhưng đều không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không được.

Ngoài những người nêu trên, Q khai trực tiếp giúp sức cho T đánh bạc với nhiều người khác, đã thanh toán tiền đánh bạc xong nên xóa tên và lịch sử giao dịch trong điện thoại nên Cơ quan điều tra không xác minh và không có cơ sở xử lý những người này.

Ngày 30/3/2020, Q đến Công an xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp tự thú. Công an xã M đã lập biên bản tiếp nhận người phạm tội tự thú và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Về vật chứng quá trình bắt quả tang thu giữ:

- Thu giữ của bị cáo T một xe mô tô biển số 6XF1-530.68, tiền Việt Nam là 500.000 đồng.

- Thu giữ của bị cáo Q: một điện thoại di động Samsung A6 màu xanh đen. Một xe mô tô biển số 6XF1-646.30. Tiền Việt Nam là 20.000.000 đồng.

Xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 xe mô tô cho bị cáo T và bị cáo Q.

Quá trình điều tra, Q khai cọc tiền 20.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Q là tiền hốt hụi của chị Nguyễn Thị Kiều T4 nhờ Q giữ dùm vào sáng ngày 30/3/2020 phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều T4.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo La Thị Kim T, Ngô Thị Mai Q cùng phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo La Thị Kim T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo T nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mai Q 01 (Một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, bị cáo La Thị Kim T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, bị cáo Ngô Thị Mai Q có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo La

Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q kháng cáo xin được hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T cung cấp tình tiết mới là gia đình có công và bị cáo đang bị viêm nang ngực, teo cơ, viêm khớp...;do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo La Thị Kim T áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo T từ 03 đến 06 tháng tù; Bị cáo Q cung cấp tình tiết mới là bị cáo đã ly hôn với chồng và trực tiếp đang nuôi 03 con còn nhỏ đây là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, tuy nhiên bản thân bị cáo trong quá trình điều tra bị cáo đã mang thai đây là tình tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên đề nghị áp dụng bổ sung và giảm cho bị cáo Q từ 01 tháng đến 03 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Mai Q phát biểu quan điểm thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Q. Vị luật sư cũng diện dẫn các tình tiết giảm nhẹ bị cáo Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội bị cáo mang thai, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tự thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 nên đề giảm hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin được hưởng án treo, xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng giữa tháng 3/2020, bị cáo T và bị cáo Q đã cùng nhau đánh bạc với hình thức bán số đề cho nhiều người, do bị cáo T làm chủ đề. Cụ thể từ ngày 15/3/2020 đến ngày 29/3/2020, các bị cáo T, Q đã đánh bạc tổng cộng 53 lần, với tổng số tiền đánh bạc là 284.903.500 đồng, đã giao nhận tiền thắng thua với các con bạc xong. Trong đó có 21 lần đánh bạc đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, với tổng số tiền là 195.146.500 đồng (lần đánh bạc thấp nhất là 5.507.500, cao nhất là 15.875.00 đồng). Số tiền bị cáo T thu lợi từ việc đánh bạc là 3.303.500 đồng, bị cáo Q thu lợi do được T trả công là 3.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bị cáo La Thị Kim T là người chủ động rủ bị cáo Q tham gia đánh bạc và làm chủ đề thu lợi bất chính số tiền 3.303.500 đồng, bị cáo Q là người trực tiếp bán số đề cho nhiều người. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là hoàn toàn

phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Các bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị Quyết 02/ NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, cần xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và sửa một phần án sơ thẩm về hình phạt như sau:

- Bị cáo La Thị Kim T cung cấp thêm tình tiết là xác nhận gia đình có công cách mạng, bản thân bị cáo đang có bệnh viêm nang ngực, teo cơ, viêm khớp Do có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo La Thị Kim T, áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để sửa một phần quyết định sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo T.

- Đối với bị cáo Ngô Thị Mai Q cung cấp tình tiết mới là bị cáo đã ly hôn với chồng và trực tiếp đang nuôi 03 con còn nhỏ đây là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. Đồng thời, tại mục 9 - Phần I - Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao trả lời đối với trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo mang thai thì vẫn được áp dụng tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo và giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét lời bào chữa của vị luật sư tại phiên tòa đối với bị cáo Q là phù hợp nhưng đã phân tích ở phần trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo La Thị Kim T, Ngô Thị Mai Q được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên bố: Các bị cáo La Thị Kim T và Ngô Thị Mai Q phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo La Thị Kim T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được

tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo La Thị Kim T nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Mai Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các bị cáo La Thị Kim T, Ngô Thị Mai Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện T (05 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- CQCSĐT CA huyện T;
- CQTHAHS Công an Tỉnh;
- CQTHAHS CA huyện T;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Minh Tùng